

Luật Kế toán

GV Trần Quang Vũ

Luật Kế toán

Chương 1: Những quy định chung

Chương 2: Công tác kế toán

Chương 3: Tổ chức bộ máy kế toán

Chương 4: Kinh doanh dịch vụ kế toán

Chương 5: Quản lý nhà nước về kế toán

Chương 6: Điều khoản thí hành

SÀI GÒN ACADEMY

Luật Kế toán

Chương 1: Những quy định chung

1. Phạm vi điều chỉnh

2. Đối tượng áp dụng

3. Giải thích từ ngữ

4. Nhiệm vụ kế toán

5. Yêu cầu kế toán

6. Nguyên tắc kế toán

7. Chuẩn mực kế toán

8. Đối tượng kế toán

9. Kế toán tài chính

10. Đơn vị tính

11. Chữ viết và chữ số

12. Kỳ kế toán

13. Hành vi bị nghiêm cấm

14. Giá trị của tài liệu

Luật Kế toán

Chương 2: Công tác kế toán

Mục 1: Chứng từ kế toán

Mục 2: Tài khoản và sổ kế toán

Mục 3: Báo cáo tài chính

Mục 4: Kiểm tra kế toán

Mục 5: Lưu trữ tài liệu kế toán

Mục 6: Đơn vị kế toán chia tách

Luật Kế toán

Chương 2: Công tác kế toán

Mục 1: Chứng từ kế toán

16. Nội dung chứng từ kế toán

17. Chứng từ điện tử

18. Lập và lưu trữ chứng từ kế toán

19. Ký chứng từ

20. Hóa đơn

21. Quản lý, sử dụng chứng từ kế toán

Luật Kế toán

Chương 2: Công tác kế toán

Mục 2: Tài khoản và sổ kế toán

22. Tài khoản kế toán

23. Chọn áp dụng tài khoản kế toán

24. Sổ kế toán

25. Hệ thống sổ kế toán

26. Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ

27. Sửa chữa sổ kế toán

28. Ghi nhận giá trị hợp lý

Luật Kế toán

Chương 2: Công tác kế toán

Mục 3: Báo cáo tài chính

29. Báo cáo tài chính

30. Báo cáo tài chính nhà nước

31. Công khai báo cáo tài chính

32. Hình thức & thời gian công khai BCTC

33. Kiểm toán báo cáo tài chính

SALOMON ACADEMY

Luật Kế toán

Chương 2: Công tác kế toán

Mục 4: Kiểm tra kế toán

34. Kiểm tra kế toán

35. Nội dung kiểm tra kế toán

36. Thời gian kiểm tra

37. Quyền, trách nhiệm của đoàn kiểm tra

38. Trách nhiệm của đơn vị kiểm tra

39. Kiểm toán nội bộ

Luật Kế toán

Chương 2: Công tác kế toán

Mục 5: Lưu trữ tài liệu kế toán

40. Kiểm kê tài sản

41. Lưu trữ tài liệu kế toán

42. Tài liệu kế toán bị mất

Luật Kế toán

Chương 2: Công tác kế toán

Mục 6: Đơn vị kế toán chia tách

43. Công việc của kế toán

44. Tách đơn vị kế toán

45. Hợp nhất đơn vị kế toán

46. Sáp nhập đơn vị kế toán

47. Thay đổi hình thức sở hữu

48. Giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động

Luật Kế toán

Chương 3: Tổ chức bộ máy kế toán

49. Tổ chức bộ máy kế toán

50. Trách nhiệm của người đại diện PL

51. Tiêu chuẩn người làm kế toán

52. Không được làm kế toán

53. Kế toán trưởng

54. Tiêu chuẩn kế toán trưởng

55. Trách nhiệm và quyền của KTT

56. Thuê dịch vụ làm kế toán

Luật Kế toán

Chương 4: Kinh doanh dịch vụ kế toán

57. Chứng chỉ kế toán viên

58. Đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán

59. DN kinh doanh dịch vụ kế toán

60. Cấp GCN kinh doanh DV kế toán

61. Hồ sơ cấp GCN KD DV kế toán

62. Thời hạn cấp giấy chứng nhận

63. Cấp lại giấy chứng nhận

Luật Kế toán

Chương 4: Kinh doanh dịch vụ kế toán

64. Phí cấp lại giấy chứng nhận

65. Hộ kinh doanh DV kế toán

66. Thay đổi phải thông báo

67. Trách nhiệm của các bên

68. Không được cung cấp DV kế toán

69. Đình chỉ KD DV kế toán

70. Tổ chức nghề nghiệp kế toán

Luật Kế toán

Chương 5: Quản lý nhà nước về kế toán

71. Quản lý nhà nước về kế toán

Chương 6: Điều khoản thí hành

72. Hiệu lực thí hành

73. Điều khoản chuyển tiếp

74. Quy định chi tiết

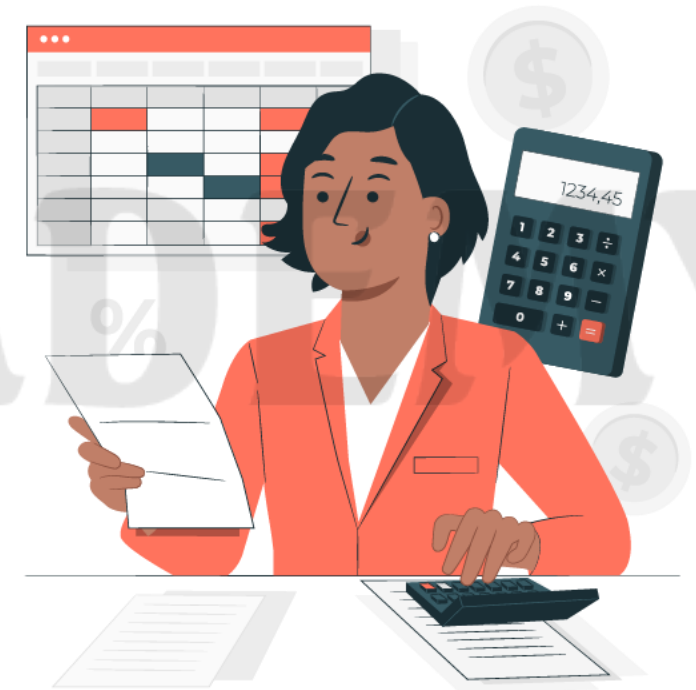
Chương 1: Những quy định chung

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh



**Nội dung công tác
kế toán**

**Tổ chức bộ máy
kế toán**



Người làm kế toán

Chương 1: Những quy định chung

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh



**Hoạt động KD
dịch vụ kế toán**



**Quản lý Nhà nước
về kế toán**



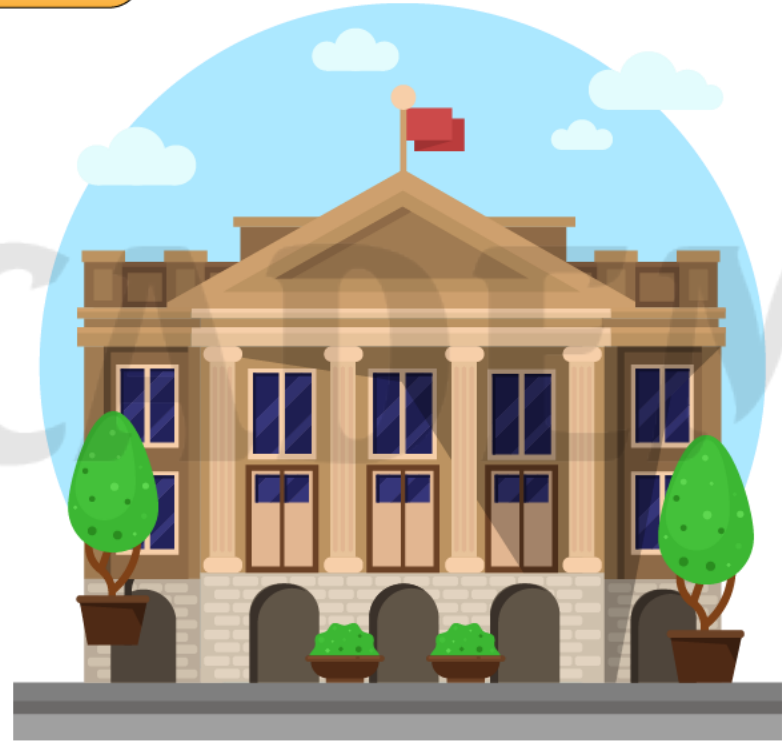
**Tổ chức nghề nghiệp
về kế toán**

Chương 1: Những quy định chung

Điều 2: Đối tượng áp dụng



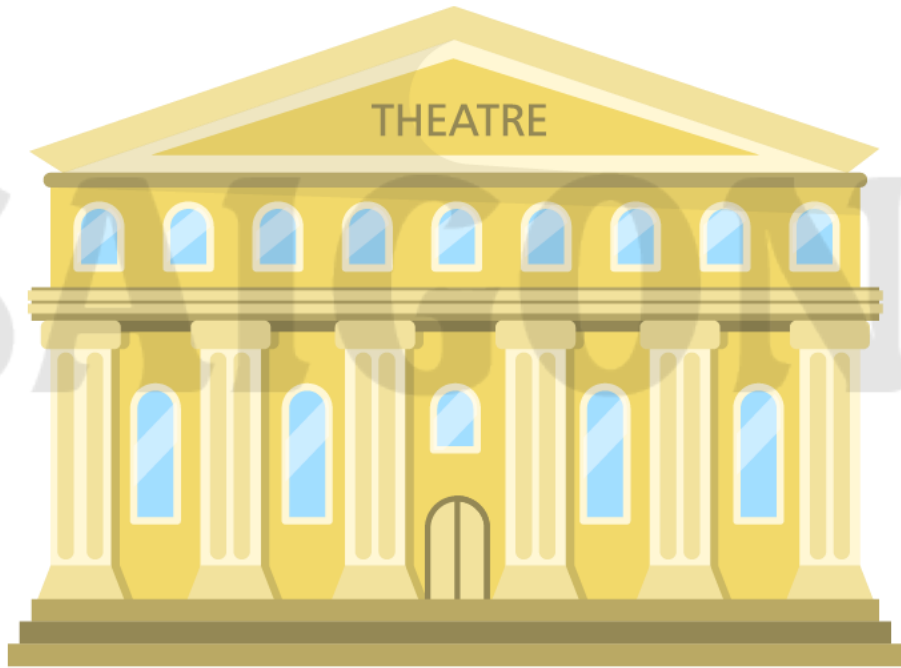
① Cơ quan có nhiệm vụ thu - chi NSNN



② Cơ quan NN, tổ chức, đơn vị sự nghiệp sử dụng NSNN

Chương 1: Những quy định chung

Điều 2: Đối tượng áp dụng



- ③ Tổ chức, đơn vị sự nghiệp
KHÔNG sử dụng NSNN



- ④ Doanh nghiệp, CN - VPĐD
của DN nước ngoài

Chương 1: Những quy định chung

Điều 2: Đối tượng áp dụng



5 Hợp tác xã,
liên hợp tác xã



6 Hộ kinh doanh,
tổ hợp tác



7 Người làm công tác
kế toán

Chương 1: Những quy định chung

Điều 2: Đối tượng áp dụng



8 Kế toán viên hành nghề,
DN KD dịch vụ kế toán



9 Tổ chức nghề nghiệp
về kế toán

Chương 1: Những quy định chung

Điều 3: Giải thích từ ngữ

1 Báo cáo tài chính

Hệ thống thông tin kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán được trình bày theo biểu mẫu quy định tại chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		31.560.382.174.201	36.109.910.649.785
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.299.943.527.624	2.348.551.874.348
Tiền	111		1.327.429.518.437	1.187.350.251.579
Các khoản tương đương tiền	112		972.514.009.187	1.161.201.622.769
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.414.055.328.683	21.025.735.779.475
Chứng khoán kinh doanh	121	V.4(a)	1.159.355.253	1.119.781.812
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.4(a)	(689.745.197)	(666.201.430)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.4(b)	17.413.585.718.627	21.025.282.199.093
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.100.402.870.854	5.822.028.742.791
Phải thu khách hàng	131		4.633.942.510.271	4.367.766.482.060
Trả trước cho người bán	132		589.439.884.812	655.822.646.219
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3(a)	890.466.200.571	810.697.107.773
Dự phòng phải thu khó đòi	137	V.2	(13.445.724.800)	(12.257.493.261)
Hàng tồn kho	140	V.5	5.537.563.396.117	6.773.071.634.017
Hàng tồn kho	141	V.5	5.560.169.453.504	6.820.486.391.670
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.5	(22.606.057.387)	(47.414.757.653)
Tài sản ngắn hạn khác	150		208.417.050.923	140.522.619.154
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11(a)	97.570.693.043	57.272.673.101
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		89.204.099.539	79.012.114.725
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		21.642.258.341	4.237.831.328

Chương 1: Những quy định chung

Điều 3: Giải thích từ ngữ

② Chế độ kế toán

là những quy định và hướng dẫn về kế toán trong một lĩnh vực hoặc một số công việc cụ thể do cơ quan quản lý nhà nước về kế toán hoặc tổ chức được cơ quan quản lý nhà nước về kế toán ủy quyền ban hành.



Chương 1: Những quy định chung

Điều 3: Giải thích từ ngữ

3 Chứng từ kế toán

là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán.



Chương 1: Những quy định chung

Điều 3: Giải thích từ ngữ

4 Đơn vị kế toán là cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 2 của Luật này có lập báo cáo tài chính.



1 Cơ quan có nhiệm vụ thu - chi NSNN



2 Cơ quan NN, tổ chức, đơn vị sự nghiệp sử dụng NSNN



3 Tổ chức, đơn vị sự nghiệp KHÔNG sử dụng NSNN



4 Doanh nghiệp, CN - VPDD của DN nước ngoài



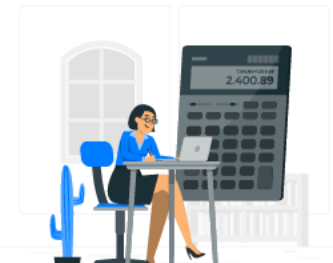
5 Hợp tác xã, liên hợp tác xã



6 Hộ kinh doanh, tổ hợp tác



7 Người làm công tác kế toán



8 Kế toán viên hành nghề, DN KD dịch vụ kế toán



9 Tổ chức nghề nghiệp về kế toán

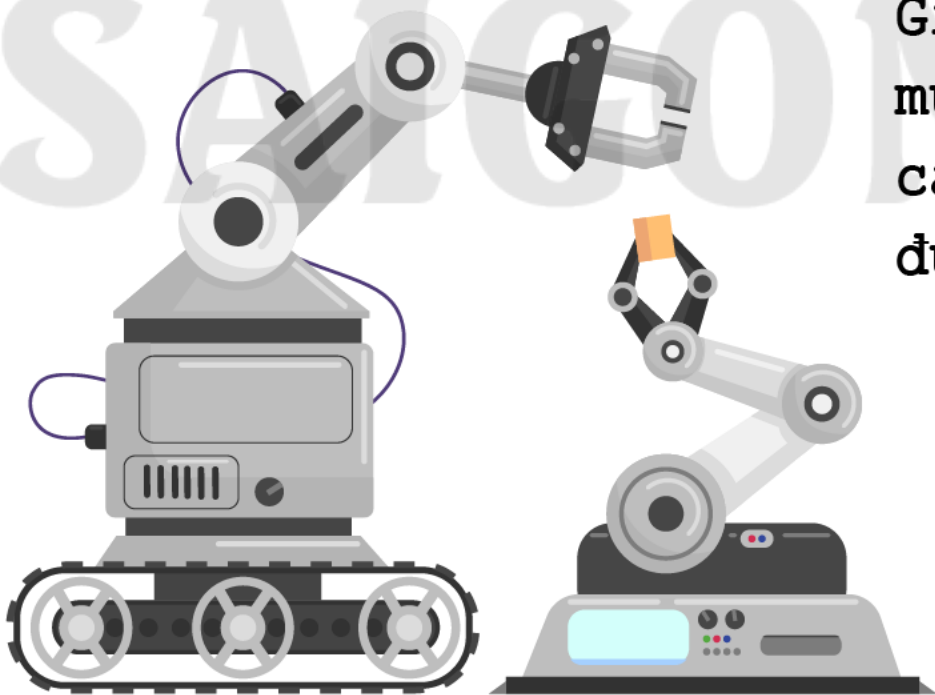
Chương 1: Những quy định chung

Điều 3: Giải thích từ ngữ

5 Giá gốc

là giá trị được ghi nhận ban đầu của tài sản hoặc nợ phải trả.

Giá gốc của tài sản được tính bao gồm chi phí mua, bốc xếp, vận chuyển, lắp ráp, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác đến khi đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



Chương 1: Những quy định chung

Điều 3: Giải thích từ ngữ

6 Giá trị hợp lý

là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.



Chương 1: Những quy định chung

Điều 3: Giải thích từ ngữ

7 Hình thức kế toán

là các mẫu số kế toán, trình tự, phương pháp ghi sổ và mối liên quan giữa các số kế toán.



Chương 1: Những quy định chung

Điều 3: Giải thích từ ngữ

8 Kế toán

là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động.



Chương 1: Những quy định chung

Điều 3: Giải thích từ ngữ

9 Kế toán tài chính

là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính bằng báo cáo tài chính cho đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin của đơn vị kế toán.



Chương 1: Những quy định chung

Điều 3: Giải thích từ ngữ

10 Kế toán quản trị

là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán.

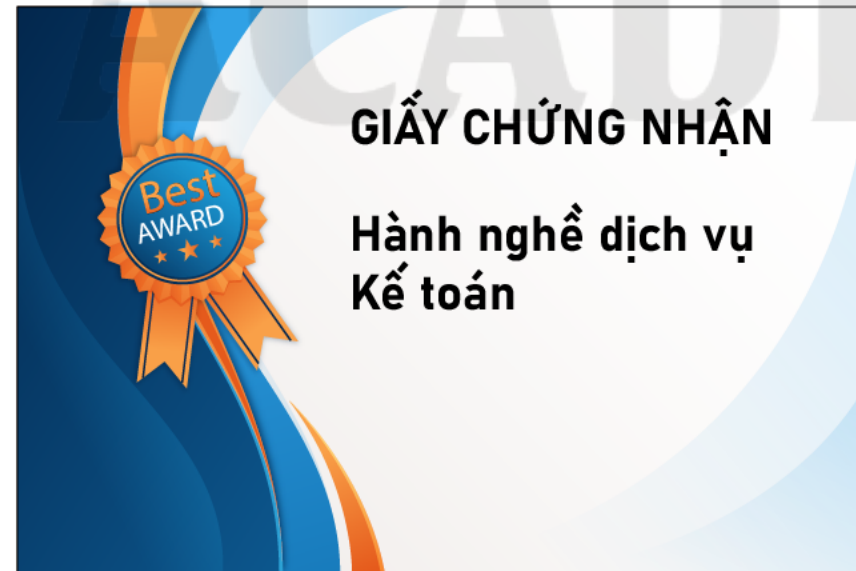


Chương 1: Những quy định chung

Điều 3: Giải thích từ ngữ

11 Kế toán viên hành nghề

là người được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán theo quy định của Luật Kế toán.



Chương 1: Những quy định chung

Điều 3: Giải thích từ ngữ

12 Kiểm tra kế toán

là việc xem xét, đánh giá tuân thủ pháp luật về kế toán, sự trung thực, chính xác của thông tin, số liệu kế toán.



Chương 1: Những quy định chung

Điều 3: Giải thích từ ngữ

13 Kinh doanh dịch vụ kế toán

là việc cung cấp dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng, lập báo cáo tài chính, tư vấn kế toán và các công việc khác thuộc nội dung công tác kế toán theo quy định của Luật cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.



Chương 1: Những quy định chung

Điều 3: Giải thích từ ngữ

14 Kỳ kế toán

là khoảng thời gian xác định từ thời điểm đơn vị kế toán bắt đầu ghi sổ kế toán đến thời điểm kết thúc việc ghi sổ kế toán, khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính.



Chương 1: Những quy định chung

Điều 3: Giải thích từ ngữ

15) Nghiệp vụ kinh tế, tài chính

là những hoạt động phát sinh cụ thể làm tăng, giảm tài sản, nguồn hình thành tài sản của đơn vị kế toán.



Chương 1: Những quy định chung

Điều 3: Giải thích từ ngữ

- 16) Phương pháp kế toán** là cách thức và thủ tục cụ thể để thực hiện từng nội dung công việc kế toán.



Chương 1: Những quy định chung

Điều 3: Giải thích từ ngữ

17) Phương tiện điện tử

là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự.



Chương 1: Những quy định chung

Điều 3: Giải thích từ ngữ

- 18 Tài liệu kế toán** là chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị, báo cáo kiểm toán, báo cáo kiểm tra kế toán và tài liệu khác có liên quan đến kế toán.



Chương 1: Những quy định chung

Điều 4: Nhiệm vụ kế toán

1

Thu thập

Xử lý

Thông tin

Số liệu
kế toán

Theo

Đối tượng & nội dung
công việc kế toán

Chuẩn mực kế toán

Chế độ kế toán



Chương 1: Những quy định chung

Điều 4: Nhiệm vụ kế toán

2

Kiểm tra

Giám sát

Khoản thu - chi tài chính

Nghĩa vụ thu nộp,
thanh toán nợ

Quản lý, sử dụng tài sản

Nguồn hình thành TS

Phát hiện

Ngăn ngừa

Hành vi
vi phạm
pháp luật
về
kế toán,
tài chính

Chương 1: Những quy định chung

Điều 4: Nhiệm vụ kế toán

3

Phân tích

Thông tin

Số liệu kế toán

Tham mưu
đề xuất

Các giải pháp phục vụ
yêu cầu quản trị

Quyết định kinh tế,
tài chính của đvị kế toán



Chương 1: Những quy định chung

Điều 4: Nhiệm vụ kế toán

4

Cung cấp

Thông tin

Số liệu kế toán

Theo quy định pháp luật



Chương 1: Những quy định chung

Điều 5: Yêu cầu kế toán

Phản ánh

Đầy đủ

Nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh vào chứng từ kế toán, sổ kế toán, BCTC

Kịp thời

Đúng thời gian quy định thông tin, số liệu kế toán

Rõ ràng

Dễ hiểu và chính xác thông tin, số liệu kế toán

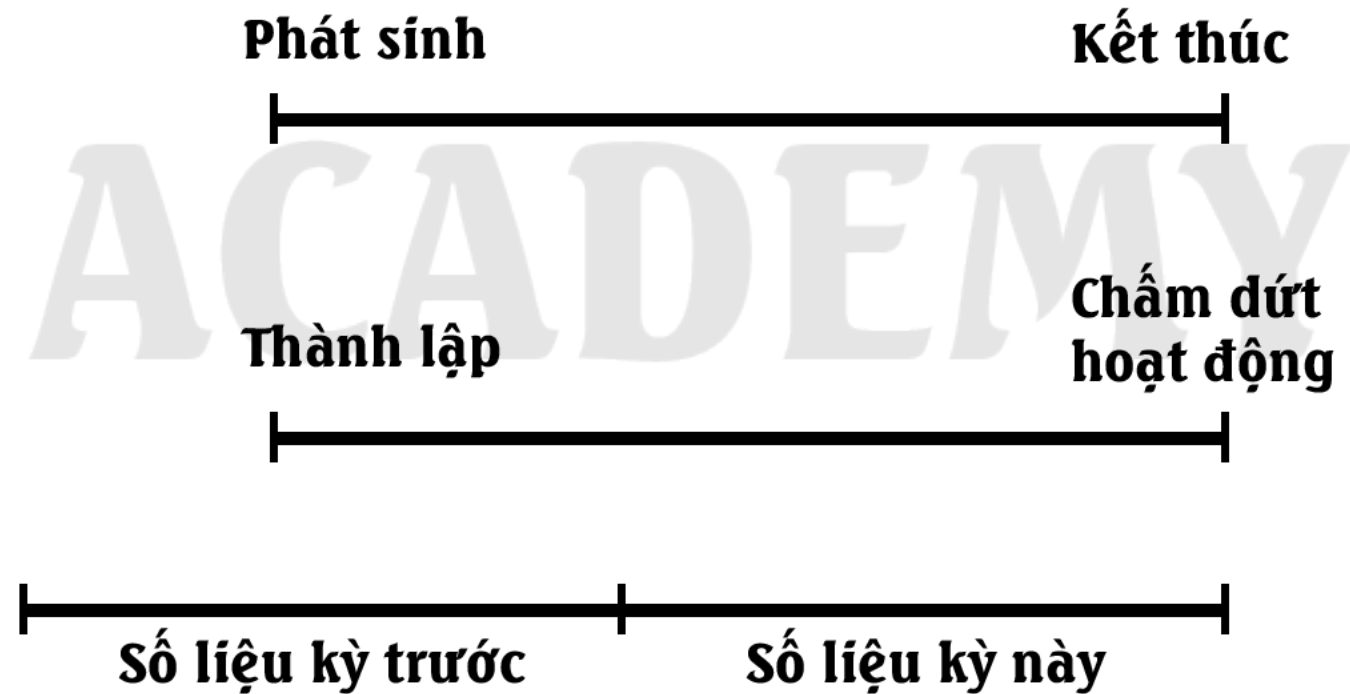
Trung thực

Khách quan hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị nghiệp vụ KT - TC

Chương 1: Những quy định chung

Điều 5: Yêu cầu kế toán

Thông tin, số liệu kế toán phải được phản ánh liên tục từ khi phát sinh đến khi kết thúc hoạt động kinh tế, tài chính, từ khi thành lập đến khi chấm dứt hoạt động của đơn vị kế toán; số liệu kế toán kỳ này phải kế tiếp số liệu kế toán của kỳ trước.



Chương 1: Những quy định chung

Điều 5: Yêu cầu kế toán

Phân loại

Sắp xếp

Thông tin

Số liệu
kế toán

Theo trình tự

Có hệ thống

Có thể so sánh

Kiểm chứng được

Chương 1: Những quy định chung

Điều 6: Nguyên tắc kế toán

1

Tài sản



Nợ



Ghi nhận theo GIÁ GỐC



Ghi nhận theo GIÁ TRỊ HỢP LÝ
tại thời điểm cuối kỳ

Một số loại tài sản hoặc nợ phải trả mà giá trị biến động thường xuyên theo giá thị trường và giá trị của chúng có thể xác định lại một cách đáng tin cậy thì

Chương 1: Những quy định chung

Điều 6: Nguyên tắc kế toán

2

Các quy định

&

Phương pháp
kế toán

Phải được áp dụng
nhất quán trong
kỳ kế toán năm



Trường hợp thay đổi các quy định và phương pháp kế toán đã chọn thì đơn vị kế toán phải giải trình trong báo cáo tài chính.

Chương 1: Những quy định chung

Điều 6: Nguyên tắc kế toán

3



Đơn vị kế toán

Thu thập

Phản ánh

Khách quan

Đầy đủ

Đúng thực tế

Đúng kỳ kế toán

Nghiệp vụ
kinh tế,
tài chính
phát sinh

Chương 1: Những quy định chung

Điều 6: Nguyên tắc kế toán

4



Phải được
lập và
gửi cơ quan
thẩm quyền

Đầy đủ

Chính xác

Kịp thời

Báo cáo tài chính

Chương 1: Những quy định chung

Điều 6: Nguyên tắc kế toán

5



Sử dụng
phương
pháp

**Đánh giá
tài sản**

**Phân bổ
thu - chi**

Thận trọng

**Không được
làm
sai lệch**

Kết quả
hoạt động
kinh tế,
tài chính
của đơn vị
kế toán

Đơn vị kế toán

Chương 1: Những quy định chung

Điều 6: Nguyên tắc kế toán



Lập và trình bày BCTC

Phản ánh đúng bản chất giao dịch

Hơn là

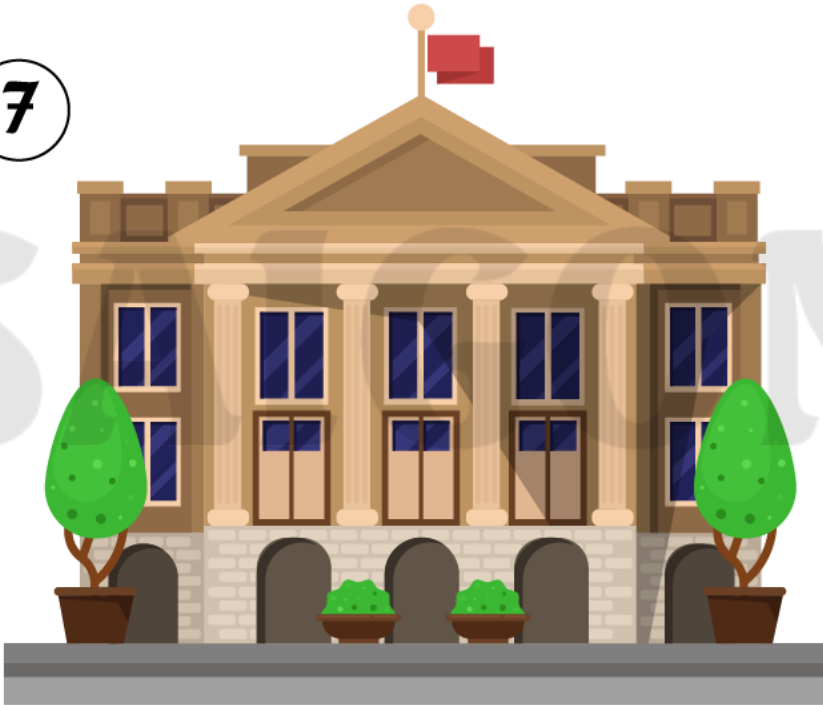
Hình thức & tên gọi của giao dịch

Báo cáo tài chính

Chương 1: Những quy định chung

Điều 6: Nguyên tắc kế toán

7



Còn phải

Thực hiện
kế toán
theo mục lục
ngân sách
nhà nước



Cơ quan Nhà nước
đơn vị sự nghiệp SD NSNN



Chương 1: Những quy định chung

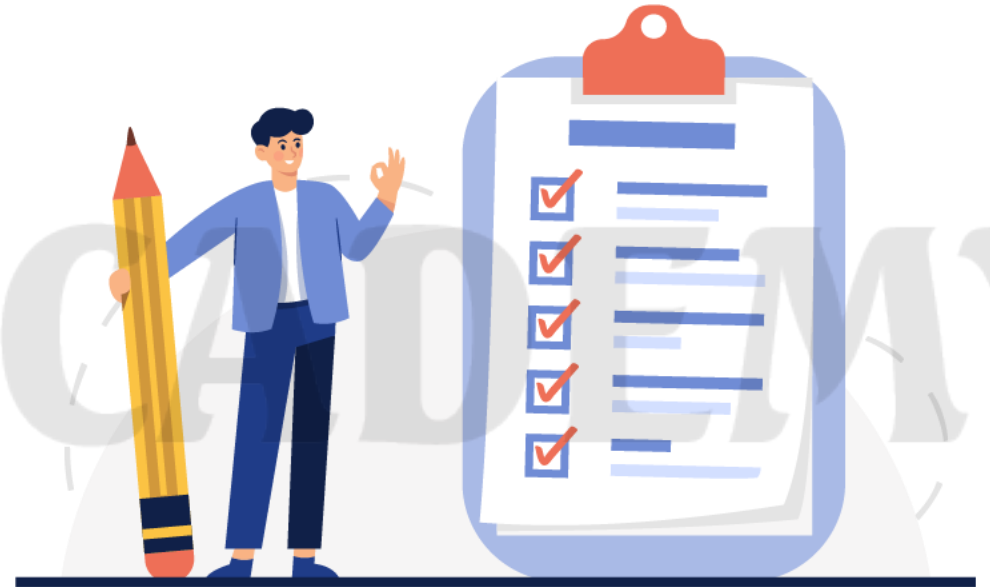
Điều 7: Chuẩn mực kế toán

**Chuẩn mực
kế toán**

Gồm

**Quy định
kế toán**

**Phương pháp
kế toán cơ bản**



Để lập Báo cáo tài chính

Chương 1: Những quy định chung

Điều 7: Chuẩn mực kế toán

Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán

Gồm

Quy định

Hướng dẫn

Về nguyên tắc,
nội dung áp dụng
các tiêu chuẩn
đạo đức nghề nghiệp

Đối
với

Người làm kế toán

Kế toán viên hành nghề

DN kinh doanh dịch vụ kế toán

Chương 1: Những quy định chung

Điều 8: Đối tượng kế toán

**Thu - chi NSNN
hành chính,
sự nghiệp**

**Đối tượng hoạt động
kinh doanh**

**Đối tượng
kế toán**

**Đơn vị, tổ chức
không sử dụng
NSNN**

**Ngân hàng,
tín dụng, bảo hiểm,
chứng khoán**

Chương 1: Những quy định chung

Điều 8: Đối tượng kế toán

Thu - chí NSNN
hành chính,
sự nghiệp



① Tiền, vật tư, TSCĐ



② Nguồn kinh phí,
quỹ



③ Các khoản thanh
toán trong và ngoài
đơn vị kế toán

Chương 1: Những quy định chung

Điều 8: Đối tượng kế toán

**Thu - chí NSNN
hành chính,
sự nghiệp**



**④ Thu - chí và xử lý
chênh lệch**

**⑤ Thu - chí và
kết dư NSNN**

**⑥ Đầu tư tài chính,
tín dụng nhà nước**

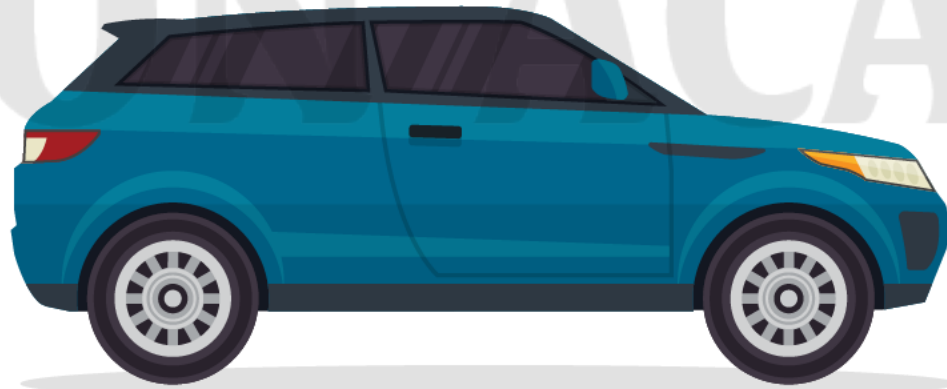
Chương 1: Những quy định chung

Điều 8: Đối tượng kế toán

Thu - chí NSNN
hành chính,
sự nghiệp



7 Nợ và xử lý
nợ công



8 Tài sản công



9 Tài sản, khoản phải
thu, nghĩa vụ phải
trả khác

Chương 1: Những quy định chung

Điều 8: Đối tượng kế toán

Đơn vị, tổ chức không sử dụng NSNN



① Tiền, vật tư, TSCĐ



② Nguồn kinh phí, quỹ



③ Các khoản thanh toán trong và ngoài đơn vị kế toán



④ Thu - chi và xử lý chênh lệch

Tài sản, các khoản phải thu, nghĩa vụ phải trả khác có liên quan đến đơn vị kế toán.

Chương 1: Những quy định chung

Điều 8: Đối tượng kế toán

Đối tượng kế toán
thuộc hoạt động
kinh doanh



1 Tài sản



2 Nợ phải trả và
vốn chủ sở hữu



3 Doanh thu, chi phí;
thu nhập & chi phí khác

Chương 1: Những quy định chung

Điều 8: Đối tượng kế toán

**Đối tượng kế toán
thuộc hoạt động
kinh doanh**



**4 Thuế & các khoản
phải nộp NSNN**



**5 Kết quả hoạt động
sản xuất KD**



**6 Các khoản phải thu
nghĩa vụ phải trả khác**

Chương 1: Những quy định chung

Điều 8: Đối tượng kế toán

Ngân hàng, tín dụng; bảo hiểm, chứng khoán

Đối tượng kế toán thuộc hoạt động kinh doanh

6 đối tượng

+

- 7 Khoản đầu tư tài chính, tín dụng
- 8 Khoản thanh toán trong và ngoài đơn vị
- 9 Khoản cam kết, bảo lãnh, giấy tờ có giá



Chương 1: Những quy định chung

Điều 9: Kế toán tài chính, Kế toán quản trị



**Kế toán ở
đơn vị kế toán**

Gồm

**Kế toán
tài chính**

**Kế toán
quản trị**

Khi thực hiện công việc kế toán tài chính và kế toán quản trị, đơn vị kế toán phải thực hiện

**Kế toán
tổng hợp**

**Kế toán
chi tiết**

Chương 1: Những quy định chung

Điều 9: Kế toán tài chính, Kế toán quản trị

Kế toán tổng hợp

Thu thập

Xử lý

Ghi chép

Cung cấp thông tin

Tổng
quát

Hoạt động kinh tế

Hoạt động tài chính

của đơn vị kế toán



Chương 1: Những quy định chung

Điều 9: Kế toán tài chính, Kế toán quản trị

Kế toán tổng hợp

Sử dụng đơn vị tiền tệ

Để phản ánh

Tình hình tài sản

Nguồn hình thành tài sản

Tình hình, KQ hoạt động kinh tế - TC

Trên cơ sở

Thông tin

Số liệu

Của kế toán chi tiết



Chương 1: Những quy định chung

Điều 9: Kế toán tài chính, Kế toán quản trị

Kế toán chi tiết

Thu thập

Xử lý

Ghi chép

Cung cấp thông tin

Chi tiết
bằng

Đơn vị tiền tệ

Đơn vị hiện vật

Đv thời gian lao động



Chương 1: Những quy định chung

Điều 9: Kế toán tài chính, Kế toán quản trị

Kế toán chi tiết



Số liệu

Minh họa cho

Kế toán tổng hợp



Số liệu

Phải khớp đúng trong kỳ kế toán

Chương 1: Những quy định chung

Điều 10: Đơn vị tính SD trong kế toán



Ký hiệu

Quốc gia đ

Quốc tế VND

Đồng Việt Nam

Trường hợp nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh bằng ngoại tệ, thì đơn vị kế toán phải ghi theo nguyên tệ và Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế

Chương 1: Những quy định chung

Điều 10: Đơn vị tính SD trong kế toán



Đơn vị kế toán

**Chủ yếu thu - chi
bằng 1 loại ngoại tệ**



**Được chọn
ngoại tệ
làm đơn vị
tiền tệ KT**

Khi lập báo cáo tài chính sử dụng tại Việt Nam, đơn vị kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế

Chương 1: Những quy định chung

Điều 10: Đơn vị tính SD trong kế toán

Đơn vị hiện vật



Đơn vị thời gian lao động



Là đơn vị đo pháp định của VN

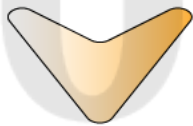


Chương 1: Những quy định chung

Điều 10: Đơn vị tính SD trong kế toán

Đơn vị kế toán

500,2515



500

Được làm tròn số

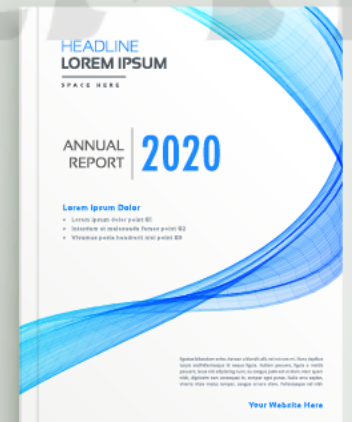
ĐVT: 1.000 đ

ĐVT: 1.000.000 đ

ĐVT: 1.000.000.000 đ

Sử dụng ĐVT
rút gọn

Khi lập &
công khai BCTC



Chương 1: Những quy định chung

Điều 11: Chữ viết và chữ số trong kế toán



Chữ viết là Tiếng Việt

Nếu dùng chữ nước ngoài trên chứng từ kế toán thì phải sử dụng đồng thời Tiếng Việt và tiếng nước ngoài

Chữ số Ả-Rập

1.000.000.000,50

Hàng
tỷ

Hàng
triệu

Hàng
nghìn

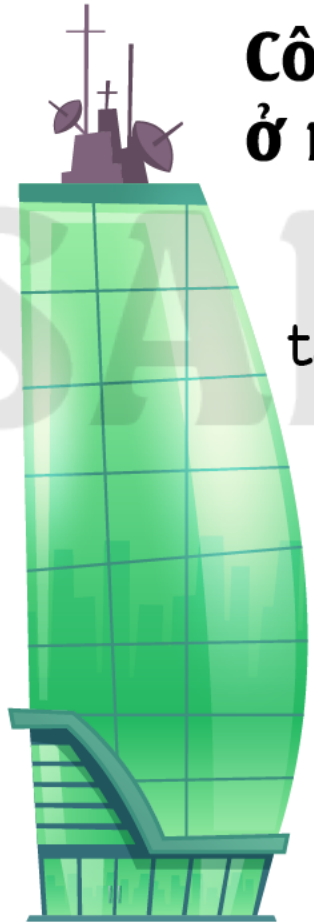
Sau hàng
đơn vị

Dấu chấm

Dấu phẩy

Chương 1: Những quy định chung

Điều 11: Chữ viết và chữ số trong kế toán



**Công ty mẹ
ở nước ngoài**

Chuyên báo cáo
tài chính về công ty
mẹ; sử dụng
chung phần mềm
quản lý,
thanh toán

**được
phép
sử
dụng**

1,000,000,000.50

Hàng
tỷ

Hàng
triệu

Hàng
nghìn

Sau hàng
đơn vị

Dấu phẩy

Dấu chấm



**Công ty con
ở Việt Nam**

Chương 1: Những quy định chung

Điều 12: Kỳ kế toán

Kỳ kế toán NĂM

JANUARY							FEBRUARY							MARCH							APRIL						
S	M	T	W	T	F	S	S	M	T	W	T	F	S	S	M	T	W	T	F	S	S	M	T	W	T	F	S
1	2	3	4	5	6	7	1	2	3	4				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
22	23	24	25	26	27	28	29	30	31					22	23	24	25	26	27	28	29	30	31				
29	30	31												29	30	31											

MAY							JUNE							JULY							AUGUST						
S	M	T	W	T	F	S	S	M	T	W	T	F	S	S	M	T	W	T	F	S	S	M	T	W	T	F	S
1	2	3	4	5	6	7	1	2	3	4	5	6	7	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31				18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	
28	29	30	31											25	26	27	28	29	30	31							

SEPTEMBER							OCTOBER							NOVEMBER							DECEMBER						
S	M	T	W	T	F	S	S	M	T	W	T	F	S	S	M	T	W	T	F	S	S	M	T	W	T	F	S
1	2	3	4	5	6	7	1	2	3	4	5	6	7	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
24	25	26	27	28	29	30	31							22	23	24	25	26	27	28	29	30	31				

SEPTEMBER							OCTOBER							NOVEMBER							DECEMBER						
S	M	T	W	T	F	S	S	M	T	W	T	F	S	S	M	T	W	T	F	S	S	M	T	W	T	F	S
1	2	3	4	5	6	7	1	2	3	4	5	6	7	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
24	25	26	27	28	29	30	31							22	23	24	25	26	27	28	29	30	31				

01/01 - 31/12/202X

12 tháng tròn theo năm dương lịch

Kỳ kế toán QUÝ

JANUARY							FEBRUARY							
S	M	T	W	T	F	S	S	M	T	W	T	F	S	
1	2	3	4	5	6	7	1	2	3	4	5	6	7	8
8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
15	16	17	18	19	20	21	18	19	20	21	22	23	24	25
22	23	24	25	26	27	28	19	20	21	22	23	24	25	26
29	30	31					26	27	28					

MARCH						
S	M	T	W	T	F	S
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30	31	

3 tháng, ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý

Kỳ kế toán THÁNG

FEBRUARY						
S	M	T	W	T	F	S
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28				

là 01 tháng, tính từ đầu ngày 01 đến hết ngày cuối cùng của tháng

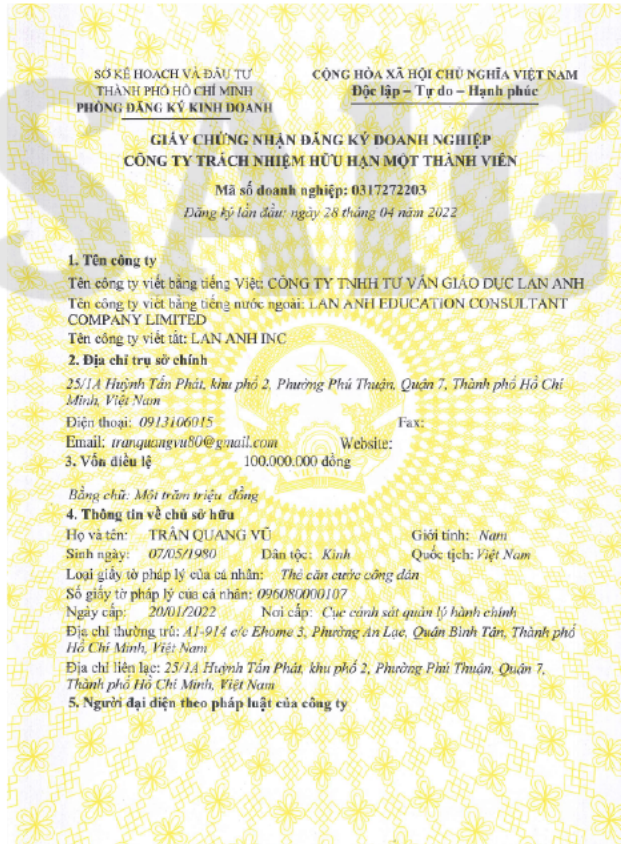
Chương 1: Những quy định chung

Điều 12: Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của đơn vị mới được thành lập.

Đầu ngày được cấp
GCNKD

Ngày cuối cùng của
kỳ kế toán năm,
quý, tháng



Chương 1: Những quy định chung

Điều 12: Kỳ kế toán

Đơn vị kế toán

Bị chia

Hợp nhất

Sáp nhập

Chuyển đổi
loại hình

Giải thể

Chấm dứt
hoạt động

Phá sản

Kỳ kế toán cuối cùng

Đầu ngày kỳ
kế toán năm,
quý, tháng

Đến hết ngày
trước ngày
xảy ra sự kiện



Chương 1: Những quy định chung

Điều 12: Kỳ kế toán

Kỳ kế toán
năm đầu tiên

Kỳ kế toán
năm cuối cùng

*Ngắn hơn
90 ngày*

*Được
gộp
với*

Kỳ kế toán
năm tiếp theo

Kỳ kế toán
năm trước đó

Không quá 15 tháng



Chương 1: Những quy định chung

Điều 13: Các hành vi bị nghiêm cấm



3

Để ngoài sổ sách kế toán TS, nợ phải trả của đơn vị KT



4

Hủy bỏ, cố ý làm hư hỏng tài liệu kế toán

Chương 1: Những quy định chung

Điều 13: Các hành vi bị nghiêm cấm



5 Ban hành, công bố chuẩn mực KT, chế độ kế toán không đúng thẩm quyền



6 Mua chuộc, đe dọa, trù dập người làm kế toán

Chương 1: Những quy định chung

Điều 13: Các hành vi bị nghiêm cấm



7 Người quản lý, điều hành ĐVKT
kiêm làm kế toán, thủ kho,
thủ quỹ



8 Bố trí người làm KT, KTT
không đủ tiêu chuẩn, điều kiện

Chương 1: Những quy định chung

Điều 13: Các hành vi bị nghiêm cấm

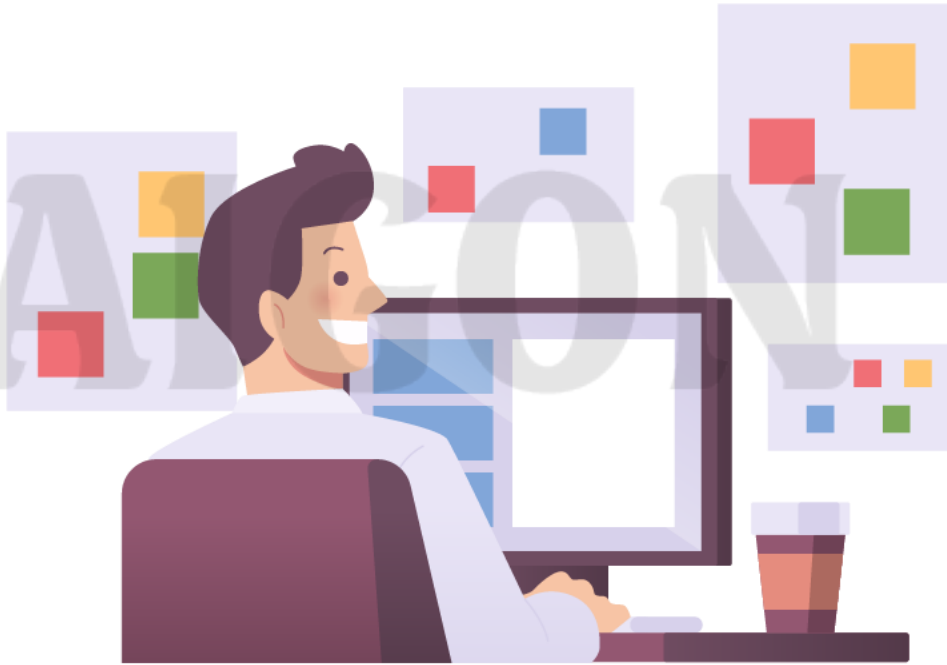


9 Thuê, mượn; cho thuê, cho mượn chứng chỉ kế toán viên; GCN đăng ký hành nghề DVKT

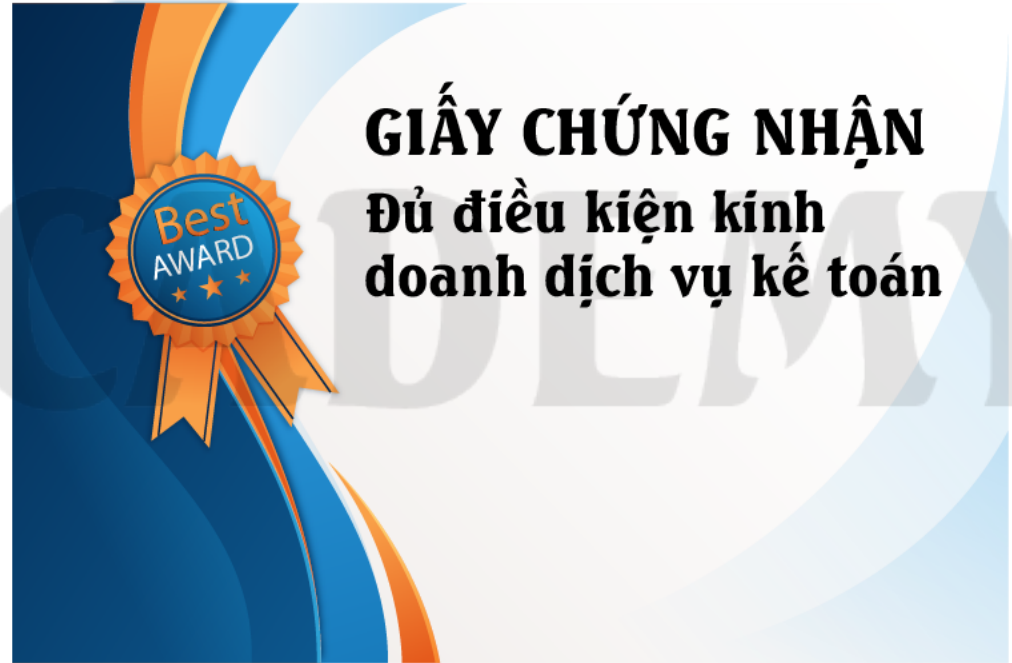
10 Lập 2 hệ thống sổ kế toán tài chính trở lên

Chương 1: Những quy định chung

Điều 13: Các hành vi bị nghiêm cấm



11 KD dịch vụ kế toán khi chưa đủ điều kiện



12 Dùng cụm từ “dịch vụ kế toán” trong tên gọi DN mà chưa được cấp GCN

Chương 1: Những quy định chung

Điều 13: Các hành vi bị nghiêm cấm



13 Thuê người không đủ điều kiện cung cấp DV kế toán cho DV mình



14 KTV, DN KDDVKT thông đồng, móc nối với khách hàng để cung cấp thông tin sai sự thật

Chương 1: Những quy định chung

Điều 14: Giá trị của tài liệu, số liệu KT

Tài liệu, số liệu kế toán có giá trị pháp lý và được sử dụng để công bố, công khai theo quy định của pháp luật.



Chương 1: Những quy định chung

Điều 14: Giá trị của tài liệu, số liệu KT

Tài liệu, số liệu kế toán là cơ sở để xây dựng và xét duyệt kế hoạch, dự toán, quyết toán, xem xét, xử lý hành vi vi phạm pháp luật.



Chương 1: Những quy định chung

Điều 15: Trách nhiệm quản lý, cung cấp TT

Đơn vị kế toán
có trách nhiệm

Quản lý

Sử dụng

Bảo quản

Lưu trữ

Tài liệu
kế toán



Chương 1: Những quy định chung

Điều 15: Trách nhiệm quản lý, cung cấp TT

Đơn vị kế toán
có trách nhiệm



Cung cấp
thông tin,
tài liệu KT

Kịp thời

Đầy đủ

Trung thực

Minh bạch



Cho cơ quan,
tổ chức
cá nhân theo
quy định PL

Hết phần 1
(Chương 1)

SAIGON ACADEMY